

Sự hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm thời nhà Trần

ISSN: 2734-9195 08:00 11/12/2024

Việc ra đời Thiền phái Trúc Lâm đã kết thúc thời kỳ các tông phái Phật giáo Việt Nam do người nước ngoài sáng lập, chứng minh Phật giáo đã thực sự bắt rễ tại Việt Nam, thực sự được người Việt đương thời tiếp thu và phát triển.

Tác giả: **ThS. Nguyễn Đức Tùng**
Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt:

Nhà Trần (1226-1400) là một trong những triều đại phong kiến phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử Việt Nam. Triều đại nhà Trần từng cùng nhân dân 3 lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông. Không những vậy, công lao nổi bật của nhà Trần là xây dựng đất nước, làm cho Phật giáo tiếp tục phát triển ở nước ta, cùng hàng loạt cải cách phát triển kinh tế, văn hóa, quân sự, giáo dục và nghệ thuật cũng hoàn chỉnh hơn và cho thấy Nho giáo, Đạo giáo đã có ảnh hưởng rõ rệt tới triều đại, tạo ra cục diện Tam giáo đồng nguyên, sự cân bằng ảnh hưởng của Phật giáo - Nho giáo - Đạo giáo. Thái Thượng hoàng Trần Nhân Tông được coi là một danh nhân văn hóa nổi tiếng, người bảo trợ Phật giáo và Đạo giáo, thành lập Thiền phái Trúc Lâm nổi tiếng. Bài viết phân tích về sự hình thành, phát triển của Thiền phái Trúc Lâm thời nhà Trần.

Từ khóa: Thiền phái Trúc Lâm, nhà Trần, Trần Nhân Tông Pháp Loa, Huyền Quang.

Mở đầu:

Trong dòng chảy lịch sử, Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên và đi vào lòng dân tộc với bao thăng trầm. Phật giáo Việt Nam có cả sự ảnh hưởng, tiếp nhận từ phương nam và phương bắc, có cả các bậc sư tổ người nước ngoài và người Việt, có cả sự trầm tích, cộng sinh và phát triển trên

cơ sở văn hoá truyền thống bản địa. Từ đó đã hình thành một dòng thiền mang màu sắc dân tộc, đó chính là Thiền phái Trúc Lâm vào thời nhà Trần. Chỉ đến khi xuất hiện Thiền phái Trúc Lâm thì Phật giáo Việt Nam mới chính thức có tông phái riêng, nền tảng triết lý, hành đạo riêng với tư tưởng nhập thế đạo đời không tách rời.

1. Sự hình thành của Thiền phái Trúc Lâm

Thiền phái Trúc Lâm còn gọi là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một tông phái của Thiền tông Việt Nam, hình thành từ thời nhà Trần, do vua Trần Nhân Tông sáng lập. Trúc Lâm vốn là hiệu của vua Trần Nhân Tông. Thiền phái Trúc Lâm có ba Thiền sư kiệt xuất là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang (gọi chung là Trúc Lâm Tam tổ) - Các vị đã nỗ lực hoằng dương Phật pháp, thống nhất các Thiền phái có trước, kết hợp với Đạo giáo, Nho giáo và tín ngưỡng dân gian, phát triển Thiền phái Trúc Lâm - Phật giáo của Đại Việt thời bấy giờ[1].



Thiền sư Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông vốn là con trai trưởng của vua Trần Thánh Tông và Nguyên Thánh Hoàng hậu, lên ngôi vua năm 1279. Ngoài giờ triều chính, ông còn nghiên cứu nội điển, ngoại điển, xem các kinh sách Phật Giáo và thường xuyên mời các vị cao tăng, Thiền sư vào cung để tham vấn hỏi đạo. Bên cạnh đó, ông cũng tham học với chú ruột là Tuệ Trung Thượng Sĩ và ngộ được yếu chỉ Thiền tông. Sau khi từ bỏ ngai vua, Trần Nhân Tông xuất gia tu hành tại chùa Khai Phúc thuộc hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình). Vào tháng 8/1299, Trần Nhân Tông dời đến núi Yên Tử (Quảng Ninh) tu hành theo khổ hạnh và lập ra Thiền phái Trúc Lâm, lấy hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà[2]. Người đương thời tôn kính gọi Ngài là Phật Hoàng hoặc Điều Ngự Giác Hoàng (Ông vua giác ngộ đạo Phật)[3].

Thiền phái Trúc Lâm được xem là tiếp nối, nhưng cũng đồng thời là sự hợp nhất của ba dòng Thiền Việt Nam có từ trước đó là phái Thảo Đường, Vô Ngôn Thông và Tì-ni-đa-lưu-chi, cùng với sự pha trộn ảnh hưởng của tông Lâm Tế. Với việc

lập ra phái Trúc Lâm, vua Trần Nhân Tông đã thống nhất các Thiền phái tồn tại trước đó và toàn bộ giáo hội Phật giáo đời Trần về một mối[4].

Trong Việt Nam Phật giáo sử luận, Nguyễn Lang nhận xét: *“Vào đầu thế kỷ thứ mười ba, ba thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường dần dần nhập lại thành một. Do ảnh hưởng lớn lao của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, sự sát nhập của ba thiền phái trên đây vào nhau đã đưa tới sự phát triển lớn của Thiền phái Yên Tử thành Thiền phái Trúc Lâm; tức là thiền phái duy nhất đời Trần”*[5].

Trần Nhân Tông lập nhiều chùa và tịnh xá để tiếp độ học nhân, người đến tham vấn rất đông. Ông có đến trụ trì tại chùa Phổ Minh ở Phủ Thiên Trường và dạy Thiền trong vòng mấy năm. Sau Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đi vân du khắp nơi, phá bỏ các miếu thờ tà thần, dân thần và dạy người dân tu theo thập thiện. Sau đó, Điều Ngự trở lại nội cung và truyền bá tất giới cho các hoàng thân, quý tộc. Sau khi xong việc, ông đến chùa Sùng Nghiêm ở núi Linh Thứu và nỗ lực truyền bá Thiền Tông.

Vào năm 1307, tại am núi Ngọa Vân, Trần Nhân Tông truyền pháp và phó chúc cho đệ tử nối pháp là thiền sư Pháp Loa kế thừa làm tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử rồi đến năm 1308, Trần Nhân Tông viên tịch, thọ 51 tuổi[6]. Dưới sự xuất gia và hoằng pháp của Trần Nhân Tông, Phật giáo Việt Nam được thống nhất về một mối, thành một giáo hội hoàn chỉnh với căn bản là các tư tưởng của Đạo Phật, mà trong đó Thiền phái Trúc Lâm là đại diện chính.

2. Sự phát triển của Thiền phái Trúc Lâm

Người chính thức nối dòng Trúc Lâm là tổ thứ hai là thiền sư Pháp Loa (1284 - 1330). Ông xuất gia 1304, tu hành suốt 26 năm với 23 năm trong chức vụ lãnh đạo giáo hội cho tới khi qua đời ở tuổi 47.



Thiền sư Pháp Loa

Trong thời gian Pháp Loa hành đạo, số lượng tự viện của giáo hội Thiền phái Trúc Lâm tăng lên rất nhiều, phong trào học Phật lan rộng, số người xuất gia và quy y gia nhập Thiền phái Trúc Lâm càng ngày càng đông. Trong giới người quyền quý, cũng có nhiều người xuất gia hoặc quy y. Nhưng Phật sự đáng kể nhất trong đời Pháp Loa là sự ấn hành Đại Tạng Kinh. Sách Tam Tổ Thực Lục cũng ghi năm 1329 Pháp Loa lại cho in Đại Tạng Kinh[7].

Số người xuất gia và gia nhập giáo hội Trúc Lâm càng ngày càng đông. Tháng Chín năm Quý Sửu (1313) Pháp Loa phụng chiếu đến cư trú tại chùa Vĩnh

Nghiêm ở Lương Giang, đặt văn phòng trung ương của giáo hội, kiểm tra tự viện và làm sổ tăng tịch. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam tăng sĩ có hồ sơ tại Giáo Hội Trung Ương. Pháp Loa thấy số lượng tăng sĩ đông quá liền quyết định ba năm mới có một lần độ tăng. Giới đàn ba năm được tổ chức một lần và mỗi lần số người xin thụ giới bị thải ra có đến hàng nghìn người. Tính đến năm 1329, số tăng sĩ được xuất gia trong những giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị. Về tự viện, năm 1313 có tới trên 100 ngôi chùa thuộc vào giáo hội Trúc Lâm. Pháp Loa làm rất nhiều việc xây dựng chùa. Tại chùa Báo Ân, năm 1314 ông đã xây dựng được 5 cây Bảo tháp, hai cơ sở hành đạo lớn (Quỳnh Lâm và Báo Ân) và trên 200 tăng đường. Về việc đúc tượng, Pháp Loa đã đúc tới 1.300 tượng Phật lớn nhỏ bằng đồng[8].

Năm 1319, Pháp Loa nhận lời mời của quốc phụ thượng tể Quốc Chấn vào giảng Đại Tuệ Ngũ Lục trong phủ An Hoa. Cũng năm ấy, ông trao giới tại gia cho Hoa Dương công chúa. Năm 1320, Tuệ Nhã đại vương xin được thụ Bồ Đề Tâm Giới. Năm 1322 nhiều người trong triều đình đóng góp vào việc cúng dường để đúc 1.000 tượng Phật, trong số đó có Bảo Từ hoàng thái hậu, Bảo Huệ Quốc mẫu, Bảo Vân công chúa, tư đồ Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương, Hưng Uy Hầu, Hoài Ninh Hầu, Đặng Trung Tử, Đoàn Nhữ hài... (tư đồ Văn Huệ Vương xuất gia vào năm này). Năm 1323, Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương đến chùa Báo ân xin thụ Bồ Đề Tâm Giới và pháp quán đỉnh; Bảo Vân công chúa, rồi Bảo Từ hoàng hậu và Văn Huệ Vương thỉnh Pháp Loa giảng kinh Hoa Nghiêm. Năm 1324 Chiêu Từ hoàng thái phi công chúa (con của Quốc Chấn) và Lệ Bảo công chúa (con Chiêu Huấn Vương) xuất gia...[9]

Về việc học Phật, tình hình cũng rất nhộn nhịp. Sợ giới tăng sĩ đông đảo mà không thể hiểu và thụ trì giới pháp, năm 1322 Pháp Loa cho khắc bản cuốn Tứ Phần Luật (giới luật Tỳ Khưu) để in và phổ biến cho giới tăng sĩ học tập. Ông thỉnh cầu hai vị sư huynh là Tông Cảnh và Bảo Phác về chùa Siêu Loại mở những lớp dạy về Tứ Phần Luật cho tăng sĩ và in 5.000 bản Tứ Phần Luật phát cho các học viên. Tông Cảnh và Bảo Phác lúc này đã được tôn xưng làm quốc sư: Tông Cảnh trú trì ở Tiên Du, còn Bảo Phác ở núi Vũ Ninh. Ngoài sự giảng dạy các kinh phổ thông như Kim Cương, Lăng Nghiêm, Viên Giác và các bộ lục như Tuyết Đầu Ngũ Lục, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngũ Lục, Đại Tuệ Ngũ Lục, Pháp Loa còn phải giảng các kinh Niết bàn, Lăng Già, Pháp Hoa và nhất là Hoa Nghiêm. Thiền học vào thời đại này đã mang nặng tính chất học hỏi và đàm thuyết. Việc học kinh Hoa Nghiêm đã trở nên một phong trào trong thiền giới. Pháp Loa đã giảng Hoa Nghiêm nhiều lần tại chùa Siêu Loại, Quỳnh Lâm, Dưỡng Phước, Xí Thịnh Quang, An Lạc Tàng Viện, thấy sức yếu, ông liền nhờ Bích Phong Trưởng Lão giảng tiếp. Những buổi giảng như thế rất đông người nghe. Khóa giảng năm

1322 ở chùa Báo Ân chẳng hạn, có trên 1.000 người đi nghe. Những buổi giảng mà ít người đi nghe nhất cũng có năm sáu trăm người. Nhờ có bản gỗ tàng trữ tại chùa Báo Ân nên kinh sách được ấn hành rộng rãi, cung cấp đầy đủ cho nhu yếu học Phật khắp xứ[10].

Pháp Loa có rất đông đệ tử. Trong số trên 15.000 người xuất gia trong các giới đàn của giáo hội Trúc Lâm tổ chức, có tới hơn 3.000 vị tới cầu pháp và đắc pháp với ông. Những vị đệ tử làm giảng sư nổi danh là Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, Hoàng Tế và Huyền Giác. Ngoài ra các vị đệ tử xuất sắc khác là Quế Đường, Cảnh Ngung, Cảnh Huy và Tuệ Quán. Huyền Quang là đệ tử xuất gia với Bảo Phác, có học với Trúc Lâm nhưng cũng cầu pháp với Pháp Loa. Huyền Quang là người rất giỏi về chữ nghĩa thi văn: ông có nhiệm vụ khảo duyệt và nhuận sắc mọi văn kiện quan trọng, nhất là những bản văn cần được ấn hành. chính đoạn tiểu sử Pháp Loa trong sách Tam Tổ Thực Lục mà Trung Minh biên tập đã do ông hiệu khảo trước khi cho khắc bản[11].

Huyền Quang (1254 - 1334) vị tổ thứ ba của Giáo hội Trúc Lâm. Huyền Quang lớn hơn Pháp Loa tới 30 tuổi. Ông đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ (trạng nguyên) khoa thi năm 1272, được bổ làm việc trong Viện Nội Hàn của triều đình[12]. Ông làm quan vào khoảng 20 năm. Đến năm 51 tuổi (1305) ông xuất gia theo học với thiền sư Bảo Phác ở chùa Lê Vĩnh. Tam tổ thực lục có ghi ông từng tháp tùng vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa thuyết pháp, nhân đó có ý định xuất gia. Sau đó, ông dâng biểu ba lần xin từ chức và xuất gia, thụ giới với Thiền sư Pháp Loa, pháp hiệu là Huyền Quang[13].



Thiền sư Huyền Quang

Cùng với sơ tổ Phật hoàng Trần Nhân Tông và Nhị tổ Pháp Loa, Tam tổ Huyền Quang đi khắp mọi nẻo đường nỗ lực hoàng dương Phật pháp Trúc Lâm. Thiền sư Huyền Quang biên soạn kinh sách, xây dựng đạo tràng, đào tạo tăng tài, đăng đàn thuyết pháp, xây dựng chùa chiền, viết vịnh đề thơ... Ngài đã làm cho dòng chảy Phật pháp Trúc Lâm lưu truyền mãi mãi trong dân gian, để nhiều đời sau, dù không còn ghi nhận sự truyền thừa chính thức nhưng tinh thần, trí tuệ, tư tưởng và giá trị của Phật giáo Trúc Lâm vẫn trong lòng dân tộc[14].

Thiền phái Trúc Lâm phát triển và được sự bảo hộ mạnh mẽ của triều đình nhà Trần. Tuy nhiên đến cuối nhà Trần, sự phát triển mạnh mẽ của Nho Giáo lấn át, đe dọa đến ảnh hưởng của Phật Giáo. Thêm vào đó, một số nhà Nho nổi tiếng

như Trương Hán Siêu, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh thường nhắm vào tệ nạn của một số tăng sĩ đương thời để đả kích, hạ thấp danh tiếng Phật giáo khiến Phật giáo Trúc Lâm bị suy giảm. Đến khi nhà Trần bị diệt vong, Thiền phái Trúc Lâm bị mất chỗ dựa và bắt đầu đi vào suy tàn.

Kết luận

Có thể thấy, Phật hoàng Trần Nhân Tông và các vị thiền sư Pháp Loa, Huyền Quang có nhiều công lao lớn cho nền Phật giáo thống nhất, nhập thế - Thiền phái Trúc Lâm. Việc ra đời Thiền phái Trúc Lâm đã kết thúc thời kỳ các tông phái Phật giáo Việt Nam do người nước ngoài sáng lập, chứng minh Phật giáo đã thực sự bắt rễ tại Việt Nam, thực sự được người Việt đương thời tiếp thu và phát triển. Từ Yên Tử, Thiền phái Trúc Lâm đã lan tỏa ra cả nước, duy trì từ đời này sang đời khác, hòa quyện làm một với các giá trị của văn hóa Việt Nam.

Tác giả: **ThS. Nguyễn Đắc Tùng**

Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tài liệu tham khảo

1. Bảo Châu (2024), Chuyện ít biết về Thiền sư Huyền Quang - vị tổ sư đời thứ ba của Phật phái Trúc Lâm Yên Tử, <https://baophapluat.vn/chuyen-it-biet-ve-thien-su-huyen-quang-vi-to-su-doi-thu-ba-cua-phat-phai-truc-lam-yen-tu-post505358.html>, ngày truy cập 27/11/2024.
2. Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 1-2-3. NXB Văn học, Hà Nội, tr. 205.
3. Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 233, 262-268.
4. Nguyễn Minh Tường, Tiểu sử và sự nghiệp của đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 (66) - 2013, tr. 72.
5. Phật giáo Trúc Lâm - Di sản văn hóa lớn cho muôn đời (2024), <https://baoquangninh.vn/phat-giao-truc-lam-di-san-van-hoa-lon-cho-muon-doi-3309048.html> ngày truy cập 18/11/2024.
6. Yên Khương (2008), Vị sư tổ của Thiền phái Trúc Lâm, <https://giacngo.vn/vi-su-to-cua-thien-phai-truc-lam-post2043.html>, ngày truy cập 20/11/2024.
7. Thế Sơn (2021), Chuyện về Thiền sư Huyền Quang, <https://vanhoavaphattrien.vn/chuyen-ve-thien-su-huyen-quang-a7846.html>, ngày truy cập 30/11/2024.
8. Trần Ngọc Thêm (2000), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.

Chú thích:

[1] Phật giáo Trúc Lâm - Di sản văn hóa lớn cho muôn đời (2024), <https://baoquangninh.vn/phat-giao-truc-lam-di-san-van-hoa-lon-cho-muon-doi-3309048.html>, ngày truy cập 18/11/2024.

[2] Yên Khương (2008), Vị sư tổ của Thiền phái Trúc Lâm, <https://giacngo.vn/vi-su-to-cua-thien-phai-truc-lam-post2043.html>, ngày truy cập 20/11/2024.

[3] Phật giáo Trúc Lâm - Di sản văn hóa lớn cho muôn đời (2024), <https://baoquangninh.vn/phat-giao-truc-lam-di-san-van-hoa-lon-cho-muon-doi-3309048.html> ngày truy cập 18/11/2024.

[4] Trần Ngọc Thêm (2000), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 154.

[5] Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 1-2-3. NXB Văn học, Hà Nội, tr. 205.

[6] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 233.

[7] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 262-263.

[8] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 264-265.

[9] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 267.

[10] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 267.

[11] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 268.

[12] Thế Sơn (2021), Chuyện về Thiền sư Huyền Quang, <https://vanhoavaphattrien.vn/chuyen-ve-thien-su-huyen-quang-a7846.html>, ngày truy cập 30/11/2024.

[13] Nguyễn Minh Tường, Tiểu sử và sự nghiệp của đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 (66) - 2013, tr. 72.

[14] Bảo Châu (2024), Chuyện ít biết về Thiền sư Huyền Quang - vị tổ sư đời thứ ba của Phật phái Trúc Lâm Yên Tử, <https://baophapluat.vn/chuyen-it-biet-ve-thien-su-huyen-quang-vi-to-su-doi-thu-ba-cua-phat-phai-truc-lam-yen-tu-post505358.html>, ngày truy cập 27/11/2024.